TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2019/DS-ST
Ngày: 04/11/2019
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Tài Tính;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Cao Trung;

2. Bà Đinh Thị Thu Hằng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Quỳnh Nương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa***: Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh - kiểm sát viên.

Ngày 24/10/2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28 /2019/TLST-DS ngày 9/4/2019 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2019/QĐXXST-DS ngày 7/10/2019, quyết định hoãn phiên tòa số 51/2019/QĐST-DS giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị P, sinh năm: 1978. Có mặt.
Địa chỉ: xóm X, thôn X, xã T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Bà Võ Thị T, sinh năm: 1973. Có mặt
Địa chỉ: thôn Đ, xã N, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
+ Bà Lê Thị N, sinh ngày: 1956. Có mặt
Địa chỉ: Thôn A, xã N T, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.
+ Ông Phan Hồ Nhật L, sinh năm: 1973(có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn A, xã Nghĩa TR, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.
- Người làm chứng: Bà Võ Thị N(vắng mặt).
Địa chỉ: Tổ N, phường Q, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/3/2019, bản trình bày, quá trình làm việc và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị P trình bày:

Bà Võ Thị P xác định bà P quen biết với bà Võ Thị T qua bà Lê Thị N, bà Lê Thị Q. Bà Võ Thị T có mượn bà Võ Thị P 02 lần tiền:

- Lần 1 vào ngày 18/12/2017(DL), bà Võ Thị T mượn của bà Võ Thị P số tiền là 30.000.000đồng(Ba mươi triệu đồng), không có tiền lãi, bà T hẹn thời hạn trả nợ là 08 ngày.

- Lần 2 vào ngày 10/01/2018(DL), bà Võ Thị T mượn bà Võ Thị P số tiền là : 100.000.000đồng(Một trăm triệu đồng) không có lãi, bà T hẹn thời hạn trả nợ là 05 ngày.

Tổng cộng bà T mượn của bà P 02 lần tiền: 130.000.000đồng (một trăm, ba mươi triệu đồng chẵn), số tiền này bà T vay để đáo hạn Ngân hàng. Hai lần mượn tiền, bà P đều đưa tiền mặt cho bà T nhận. Lần 2, bà T mượn bà P số tiền 100.000.000^{đ}(Một trăm triệu đồng) có mặt bà Lê Thị N chứng kiến nên bà N đã ký tên làm chứng trong giấy mượn tiền.

Quá thời gian hẹn trả nợ mà bà T không trả nợ cho bà P nên bà P điện thoại và đến nhà của bà T đòi tiền nhiều lần nhưng bà T không trả. Vào ngày 27/1/2018 bà T đã trả cho bà P được 6.000.000^{đ} thông qua chồng của bà P là ông Phan Hồ Nhật L, bà P đồng ý trừ 6.000.000^{đ}(sáu triệu đồng) này vào số tiền bà T đã mượn của bà P. Nay bà P yêu cầu Tòa án buộc bà T trả cho bà P số tiền nợ là 124.000.000^{đ}(Một trăm hai mươi bốn triệu đồng), bà P không yêu cầu tính lãi.

Quá trình làm việc và tại phiên tòa bị đơn bà Võ Thị T trình bày: Về việc quen biết giữa bà Võ Thị T và bà Võ Thị P đúng như bà P trình bày, riêng về phần nợ, bà T trình bày cụ thể như sau:

Vào cuối năm 2017, bà Võ Thị T có mượn của bà Võ Thị P 20.000.000đồng(Hai mươi triệu đồng) với lãi suất 30%/tháng, số nợ gốc và lãi của 20.000.000đồng(Hai mươi triệu đồng) bà T đã trả dứt điểm.

Đến ngày 18/12/2017, bà T vay tiếp của bà P 30.000.000đồng(Ba mươi triệu đồng), lãi suất 30%/ tháng, giấy mượn tiền do bà Võ Thị T viết nhưng số nợ gốc và lãi của 30.000.000đồng(Ba mươi triệu đồng) bà T đã trả dứt điểm. Khi trả số tiền này do tin tưởng bà P nên bà T không yêu cầu bà P trả lại giấy nợ gốc cho bà T. Đây là sai sót của bà T nhưng thực tế bà T đã trả dứt điểm số nợ trên cho bà P.

- Đến ngày 10/01/2018, bà T vay của bà P số tiền 100.000.000đồng(Một trăm triệu đồng) lãi suất vay 30%/tháng, lúc mượn tiền có bà Lê Thị N làm chứng, giữa bà N, bà T và bà P thỏa thuận: Bà Võ Thị P đưa tiền mặt cho bà T 50.000.000^{đ}(Năm mươi triệu đồng) và bà N phải đưa cho bà T 50.000.000đồng(Năm mươi triệu đồng)(số tiền 50.000.000^{đ} là số tiền bà N còn nợ bà P) nhưng bà P trừ tiền lãi vay trước khi đưa tiền của số tiền

100.000.000đồng(Một trăm triệu đồng) là 8.000.000đồng(Tám triệu đồng) nhưng bà T không nhớ bà P trừ lãi 8.000.000đ(Tám triệu đồng) trong thời gian bao nhiêu ngày. Số tiền mượn của giấy mượn tiền ngày 10/01/2018 còn lại 92.000.000đồng(chín mươi hai triệu đồng) nhưng bà P chỉ đưa 42.000.000đ(Bốn mươi hai triệu đồng), bà N phải chuyển sang cho bà T 50.000.000đ(Năm mươi triệu đồng). Nhưng sau đó bà N không có số tiền 50.000.000đ(Năm mươi triệu đồng) để đưa cho bà T nên bà N cùng góp tiền lãi với bà T để trả cho bà P.

Bà Võ Thị T xác định số tiền 50.000.000đồng(Năm mươi triệu đồng) mà bà P cấn qua cho bà Lê Thị N nhưng bà N không giao qua cho bà T. Như vậy, bà T thực nợ của bà P là 50.000.000đồng(Năm mươi triệu đồng), số tiền 50.000.000đồng(Năm mươi triệu đồng) này bà T có trách nhiệm trả cho bà P. Đối với số tiền 8.000.000đ(tám triệu đồng) là số tiền bà P trừ lãi nên bà T đồng ý bà P trừ tiền lãi.

Đối với việc hàng tháng bà T trả lãi cho bà P 30%/tháng đối với số tiền bà T vay của bà P thì bà T không có tài liệu, chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án.

Bà T trả lãi cho bà P vào ngày 27/1/2018 của số tiền 100.000.000đ(Một trăm triệu đồng) là 6.000.000đ(Sáu triệu đồng) tiền lãi, bà T trả tại quán cà phê YALY 2 trên đường Phan Đình Phùng cho chồng của bà P là ông Phan Hồ Nhất L, vì bà P có việc đi trước.

Ngoài ra, bà P yêu cầu bà T trả 02 lần vay số tiền là 130.000.000đ(Một trăm ba mươi triệu đồng) là không đúng.

Bà T công nhận chữ ký và chữ viết trong giấy mượn tiền ngày 18/12/2017 và ngày 10/01/2018 là của bà Võ Thị T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Lê thị N trình bày:

Vào ngày 10/01/2018 tại quán cafe Sunrise trên đường Phan Đình Phùng, thành phố Quảng Ngãi, bà P có cho bà T vay với số tiền 100.000.000đồng(Một trăm triệu đồng).

Tại thời điểm này, bà N có nợ tiền của bà P nên bà P cấn qua cho bà N 50.000.000đồng(Năm mươi triệu đồng) nên bà N có trách nhiệm giao qua cho bà T 50.000.000(Năm mươi triệu đồng), còn lại 50.000.000đồng(Năm mươi triệu đồng) bà P giao qua bà T, nhưng bà P khấu trừ tiền lãi trước là 8.000.000đồng(Tám triệu đồng) nên bà P giao tiền thực qua cho bà T là 42.000.000đồng(Bốn mươi hai triệu đồng).

Sau khi thỏa thuận với bà P và bà T việc bà N phải có trách nhiệm giao qua cho bà T 50.000.000đ(Năm mươi triệu đồng) thì bà N không có số tiền 50.000.000đ(Năm mươi triệu đồng) nên bà N không chuyển qua cho bà T, bà N cũng đã điện thoại báo cho bà P biết. Bà N cũng góp tiền lãi của số tiền 50.000.000đ(Năm mươi triệu đồng) cùng với bà T để trả cho bà P. Số tiền bà N nợ của bà P thì bà P đã khởi kiện bà N ra Tòa án, Tòa án đã giải quyết xong tất cả các khoản nợ mà bà N đã ghi trong các giấy nợ nhưng bà P không khấu trừ khoản nợ 50.000.000đồng(Năm mươi triệu đồng), mà bà P đã cấn qua cho bà N nên số tiền bà N có trách nhiệm chuyển cho bà T đã giải quyết xong. Bà N không có liên

quan gì đối với số nợ giữa bà N và bà P. Vì khoản nợ của bà N đối với bà P đã được giải quyết xong trong vụ án trước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Hồ Nhật L trình bày: Về quan hệ vay mượn tiền giữa bà P và bà T thì ông L không biết. Nhưng vào ngày tháng năm ông L không nhớ, ông L có nhận giúp cho bà P 6.000.000đ(Sáu triệu đồng) từ bà T để đưa cho bà P. Ông L công nhận đã nhận từ bà T 6.000.000đ(Sáu triệu đồng) để đưa cho bà P.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua trình bày của các bên đương sự có trong hồ sơ và tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận: Bà Võ Thị T có vay của Võ Thị P hai lần tổng số tiền là 130.000.000đồng, nhưng bà T trả cho bà P một lần số tiền là 6.000.000đồng, hiện còn nợ bà P với số tiền là 124.000.000đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng vào các Điều 463, 466 và 470 của Bộ luật dân sự, buộc bà Võ Thị T phải có trách nhiệm trả số nợ vay cho bà Võ Thị P với số tiền nợ còn lại là 124.000.000đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu đồng).

Về án phí: Bà Võ Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện viện kiểm sát,Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà Võ Thị T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã N, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa được quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án được thụ lý và xét xử theo thủ tục thông thường.

[1.2]Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào hai giấy mượn tiền của bà Võ Thị T đã viết, tổng số tiền bà Võ Thị T đã mượn của bà P, bà P yêu cầu bà T phải trả số nợ trên cho bà P số tiền 124.000.000đ(Một trăm hai mươi bốn triệu đồng), bà P không yêu cầu bà T trả lãi. Từ đó, đủ căn cứ để xác định quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[2] Về nội dung: Qua trình bày của nguyên đơn bà Võ Thị P và bị đơn bà Võ Thị T xác định: Bà Võ Thị T mượn của bà Võ Thị P 02 lần tiền tổng số tiền là 130.000.000đ(Một trăm ba mươi triệu đồng) viết giấy mượn tiền vào ngày 18/12/2017 vay 30.000.000đ(Ba mươi triệu đồng) và vào ngày 10/01/2018 vay 100.000.000đ(Một trăm triệu đồng). Qúa trình làm việc và tại phiên tòa nguyên

đơn bà Võ Thị P xác định bà T đã trả một lần tiền là 6.000.000đ(sáu triệu đồng), hiện bà T còn nợ là 124.000.000đ(Một trăm hai mươi bốn triệu đồng). Yêu cầu bà Võ Thị T phải trả cho bà Võ Thị P số 124.000.000đ(Một trăm hai mươi bốn triệu đồng).

Bà Võ Thị T xác định: Bà T có mượn bà Võ Thị P hai lần tiền có viết giấy mượn tiền đúng như lời trình bày của bà P. Nhưng bà T nại: bà có vay của bà P số tiền 30.000.000đ(Ba mươi triệu đồng) vào ngày 18/12/2017(DL) số tiền này bà đã trả cho P xong kể cả gốc và lãi, bà tin bà P nên không lấy lại giấy nợ gốc. Tiếp đến 10/01/2018 tại quán cafe Sunrise trên đường Phan Đình Phùng, thành phố Quảng Ngãi, bà có hỏi vay của bà P với số tiền 100.000.000đồng(Một trăm triệu đồng) có viết giấy vay. Nhưng bà P cấn qua bà Lê Thị N 50.000.000đ(Năm mươi triệu đồng), vì tại thời điểm này bà N có nợ tiền bà P. Bà Võ Thị P trừ tiền lãi vay trước là 8.000.000đồng, nên bà P chỉ giao qua cho bà T số tiền thực tế là 42.000.000đồng. Số tiền là P cấn qua bà Lê Thị N 50.000.000đồng, nhưng bà N không giao qua cho bà. Khoản thời gian sau đó bà có trả cho bà P số tiền 6.000.000đồng, số tiền này bà không đưa trực tiếp bà P mà đưa cho ông L (chồng của bà P). Như vậy, bà chỉ còn nợ bà P với số tiền là 44.000.000đ(Bốn mươi bốn triệu đồng), bà T có trách nhiệm trả cho bà P.Vì tin tưởng với nhau nên bà không xóa bỏ giấy nợ 30.000.000đ(Ba mươi triệu đồng) vay ngày 18/12/2017(DL) và không ghi điều chỉnh lại giấy vay 100.000.000đ(Một trăm triệu đồng) bà đã viết giấy nợ ngày 10/01/2018, bà Võ Thị P giữ hai giấy vay tiền này đi kiện đòi bà trả nợ là bà không chấp nhận, yêu cầu Tòa án minh xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và là người làm chứng Bà Lê Thị N trình bày: Tại quán cafe Sunrise vào tháng 12/2017 không nhớ rõ ngày, bà có chứng kiến bà T có vay của bà P 100.000.000đồng(Một trăm triệu đồng), bà T viết giấy vay đưa cho bà P giữ, nhưng bà P có cấn qua cho bà N 50.000.000đ(Năm mươi triệu đồng) vì bà N có nợ tiền của bà P, sau đó bà P khấu trừ lãi vay trước là 8.000.000đ(tám triệu đồng), số tiền còn lại bà P đưa qua cho bà T là 42.000.000đồng. Số tiền mà bà P cấn qua bà N phải có trách nhiệm giao qua cho T là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) bà N chưa giao qua cho bà T. Vì bà P khởi kiện đòi nợ bà N phải trả cho bà P toàn bộ số tiền bà N đã viết giấy mượn tiền, bà N đã chấp nhận trả nợ cho P, việc này bà P phải khấu trừ nợ cho bà Võ Thị T.

Đối với lời khai của bà Võ Thị T và bà Lê Thị N thì bà Võ Thị P cho rằng: Bà T và bà N khai nại ra trước tòa là không đúng bà không chấp nhận. Hơn nữa không có chứng cứ, tài liệu nào chứng minh cho việc bà T còn nợ bà P số tiền là 44.000.000đ(Bốn mươi bốn triệu đồng).

Theo bản trình bày của ông Phan Hồ Nhật L (chồng P) ngày 04/9/2019: Ông có nhận của bà T số tiền là 6.000.000đ(Sáu triệu đồng) và bà T có nói là trả tiền nợ cho bà P vợ của ông. Bà P công nhận ông L (chồng của bà) có giao qua số tiền này nên được khấu trừ vào nợ vay cho bà Võ Thị T.

Bà Võ Thị P khẳng định hiện nay bà Võ Thị T còn nợ tiền vay của bà là 124.000.000đồng, yêu cầu bà T phải có trách nhiệm trả cho bà.

Bà Võ Thị T viết giấy vay tiền giao cho bà Võ Thị P giữ làm tin là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc hay đe dọa nào đối với bà T. Yêu cầu của bà Võ Thị P phù hợp với quy định của pháp luật. Có đủ căn cứ buộc bà Võ Thị T phải có

trách nhiệm trả nợ vay cho bà Võ Thị P với số tiền là 124.000.000đồng (Một trăm hai mươi hai triệu đồng) của hai lần vay.

[3].Ý kiến của đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4].Về án phí: bà Võ Thị T phải phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch là: 124.000.000đ x 5% = 6.200.000^{đ}(sáu triệu hai trăm nghìn đồng). Bà Võ Thị P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà Võ Thị P.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; 147, 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV H14 ngày 30/12/2016 tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị P.

2. Buộc bà Võ Thị T phải trả nợ vay cho bà Võ Thị P số tiền là 124.000.000đồng (một trăm hai mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu trả khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

3.Về án phí:

- Bà Võ Thị T phải phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch là 6.200.000^{đ} (sáu triệu hai trăm nghìn đồng).

- Bà Võ Thị P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 3.250.000đồng (ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) cho bà Võ Thị P, theo biên lai số: 0004147 ngày 09/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi
- VKSND huyện Tư Nghĩa
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Tài Tính